TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 02/02/2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Lam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Ngọc Hà

Ông Lê Văn Danh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Bé Năm – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2025/TLST-HNGĐ ngày 21/11/2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 282/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đoàn Thị Hoàng M**. Địa chỉ: ấp N, xã N, thành phố Cần Thơ (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Hoàng C**. Địa chỉ: ấp M, xã M, thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/11/2025, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 12/12/2025 nguyên đơn bà Đoàn Thị Hoàng M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên vào năm 2021, bà Đoàn Thị Hoàng M và ông Nguyễn Hoàng C quen nhau, có làm lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 12/06/2023 đăng ký tại UBND xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Bà M và ông Nguyễn Hoàng C chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc những năm sau này bà M và ông C thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân của hai ông bà

không thể hàn gắn. Nên cuộc sống giữa bà M và ông Nguyễn Hoàng C không hạnh phúc. Mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Bà M và ông Nguyễn Hoàng C chung sống với nhau có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Thiên P (giới tính Nam), sinh ngày 30/10/2021.

Về tài sản chung: Tài sản chung tự thoả thuận.

Về nợ chung: Không có.

Nay bà Đoàn Thị Hoàng M yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Hoàng M yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng C.

- Về con chung: Hiện cháu Nguyễn Hoàng Thiên P (giới tính Nam), sinh ngày 30/10/2021 đang sống ổn định cùng ông Nguyễn Hoàng C nên sau khi ly hôn bà Đoàn Thị Hoàng M đồng ý giao cháu Nguyễn Hoàng Thiên P cho ông Nguyễn Hoàng C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành, bà Đoàn Thị Hoàng M không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng C: Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Nguyễn Hoàng C, nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, ông Nguyễn Hoàng C vắng mặt, không tham gia tố tụng, không gửi cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Nguyên đơn bà Đoàn Thị Hoàng M có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, là chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, thực hiện chưa đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Hoàng M đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng C, giải quyết cho bà Đoàn Thị Hoàng M và ông Nguyễn Hoàng C ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Nguyễn Hoàng Thiên P (giới tính Nam), sinh ngày 30/10/2021 cho ông Nguyễn Hoàng C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Hoàng Thiên P đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bị đơn không có yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Đoàn Thị Hoàng M trình bày là để hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Đoàn Thị Hoàng M tự trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Đoàn Thị Hoàng M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng C; Về con chung: Bà Đoàn Thị Hoàng M đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng Thiên P, sinh ngày 30/10/2021 cho ông Nguyễn Hoàng C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Toà án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Đoàn Thị Hoàng M có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Hoàng M và ông Nguyễn Hoàng C tự nguyện kết hôn, được Uỷ ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cũ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83/2023 ngày 12/6/2023 cho nên quan hệ hôn nhân giữa bà Đoàn Thị Hoàng M và ông Nguyễn Hoàng C là hợp pháp. Bà

Đoàn Thị Hoàng M trình bày trong quá trình chung sống, giữa bà và ông Nguyễn Hoàng C phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện nay hai bên đã không còn chung sống với nhau. Cho nên bà Đoàn Thị Hoàng M đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng C. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Nguyễn Hoàng C, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến nay bị đơn ông Nguyễn Hoàng C không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Hoàng M, cũng không đến tham dự phiên họp, phiên tòa theo giấy triệu tập của Toà án. Từ đó cho thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Do vậy, việc bà Đoàn Thị Hoàng M yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng C là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Hoàng M và giải quyết cho bà Đoàn Thị Hoàng M được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng C.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống thì bà Đoàn Thị Hoàng M và ông Nguyễn Hoàng C có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Thiên P, sinh ngày 30/10/2021. Bà Đoàn Thị Hoàng M đồng ý giao cháu Nguyễn Hoàng Thiên P cho ông Nguyễn Hoàng C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Xét thấy, hiện nay cháu Nguyễn Hoàng Thiên P đang sống chung với ông Nguyễn Hoàng C, phía ông Nguyễn Hoàng C cũng không có ý kiến phản đối về việc bà Đoàn Thị Hoàng M giao cháu Nguyễn Hoàng Thiên P cho ông nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu Nguyễn Hoàng Thiên P, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Nguyễn Hoàng Thiên P cho ông Nguyễn Hoàng C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đoàn Thị Hoàng M không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Nguyễn Hoàng C không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Bà Đoàn Thị Hoàng M trình bày là để hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Đoàn Thị Hoàng M tự trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích nêu trên nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Đoàn Thị Hoàng M phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Hoàng M.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Hoàng M được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng C.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Thiên P, sinh ngày 30/10/2021 cho ông Nguyễn Hoàng C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Hoàng Thiên P đủ 18 (Mười tám) tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đoàn Thị Hoàng M không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Nguyễn Hoàng C không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, bà Đoàn Thị Hoàng M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Bà Đoàn Thị Hoàng M trình bày là để hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Đoàn Thị Hoàng M tự trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Đoàn Thị Hoàng M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0010227 ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Như vậy, bà Đoàn Thị Hoàng M đã nộp xong án phí sơ thẩm. Bị đơn ông Nguyễn Hoàng C không phải chịu án phí sơ thẩm.

Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 6 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 6 – Cần Thơ;
- Cơ quan cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thủy Lam